

BỘ GIAO THÔNG VẬN
TẢI
Số: 16/2018/TT-BGTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 4 tháng 4 năm 2018

THÔNG TƯ

Quy định về quản lý, bảo trì công trình đường sắt quốc gia

Căn cứ Luật Đường sắt số 06/2017/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2017;
Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;
Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông và Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam,
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về quản lý, bảo trì công trình đường sắt quốc gia.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Thông tư này quy định về quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.
- Đối với công tác cứu chữa, khắc phục hậu quả bão lũ, thực hiện theo quy định của Bộ Giao thông vận tải về phòng, chống, khắc phục hậu quả lụt, bão, ứng phó sự cố

thiên tai và cứu nạn trong hoạt động đường sắt.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng với các tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt và bảo trì công trình đường sắt quốc gia do nhà nước đầu tư.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Quy trình bảo trì công trình đường sắt là tài liệu quy định về trình tự, nội dung và chỉ dẫn thực hiện các công việc bảo trì công trình đường sắt.
2. Bảo trì công trình đường sắt là tập hợp các công việc nhằm bảo đảm và duy trì sự làm việc bình thường, an toàn của công trình theo quy định của thiết kế trong quá trình khai thác sử dụng.
3. Kiểm tra công trình đường sắt là việc xem xét bằng trực quan hoặc bằng thiết bị chuyên dụng để đánh giá hiện trạng công trình nhằm phát hiện kịp thời các dấu hiệu xuống cấp, những hư hỏng của công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình để có biện pháp xử lý kịp thời. Công tác kiểm tra công trình đường sắt bao gồm kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất.
4. Quan trắc công trình đường sắt là hoạt động theo dõi, đo đạc, ghi nhận sự biến đổi về hình học, biến dạng, chuyển dịch và các thông số kỹ thuật khác của công trình và môi trường xung quanh theo thời gian.
5. Kiểm định chất lượng công trình đường sắt là hoạt động kiểm tra, đánh giá chất lượng hoặc đánh giá nguyên nhân hư hỏng, giá trị, thời gian sử dụng và các thông số kỹ thuật khác của bộ phận công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình hoặc công trình đường sắt thông qua quan trắc, thí nghiệm kết hợp với việc tính toán, phân tích.
6. Bảo dưỡng công trình đường sắt là hoạt động theo dõi, chăm sóc, sửa chữa những hư hỏng nhỏ của công trình và thiết bị lắp đặt vào công trình, được tiến hành thường xuyên, định kỳ để duy trì công trình ở trạng thái khai thác, sử dụng bình thường và hạn chế phát sinh các hư hỏng công trình.
7. Sửa chữa công trình đường sắt là việc khắc phục, khôi phục, cải tạo hoặc thay thế những hư hỏng của bộ phận công trình, thiết bị, cấu kiện công trình hay toàn bộ

công trình được phát hiện trong quá trình khai thác, sử dụng nhằm đảm bảo sự làm việc bình thường, an toàn của công trình và an toàn giao thông vận tải đường sắt.

Sửa chữa công trình đường sắt bao gồm sửa chữa định kỳ và sửa chữa đột xuất:

a) Sửa chữa định kỳ công trình đường sắt là sửa chữa hư hỏng hoặc cải tạo, thay thế bộ phận công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình bị hư hỏng được thực hiện định kỳ theo quy định của quy trình bảo trì và kế hoạch bảo trì được duyệt;

b) Sửa chữa đột xuất công trình đường sắt là sửa chữa được thực hiện khi bộ phận công trình, công trình bị hư hỏng do chịu các tác động đột xuất như gió, bão, lũ lụt, động đất, va đập, cháy và những tác động đột xuất khác hoặc khi bộ phận công trình, công trình có biểu hiện xuống cấp ảnh hưởng đến an toàn sử dụng, vận hành, khai thác công trình.

8. Đơn vị bảo trì công trình đường sắt là các tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ hoặc ký hợp đồng thực hiện một hoặc một số công việc bảo trì công trình đường sắt.

Chương II

QUẢN LÝ KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG SẮT, BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT

Điều 4. Yêu cầu đối với công tác quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt

1. Quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt được thực hiện thống nhất, phân cấp rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị và trách nhiệm phối hợp hoạt động giữa các cơ quan, đơn vị.
2. Tách bạch giữa quản lý nhà nước của cơ quan nhà nước với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
3. Toàn bộ kết cấu hạ tầng đường sắt đều được nhà nước giao cho đối tượng quản lý và đối tượng sử dụng, kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nội dung công tác quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt

1. Quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định của pháp luật.
2. Quản lý nguồn tài chính cho quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt và bảo trì công trình đường sắt.

3. Quản lý việc xây dựng, ban hành, công bố và thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; định mức, đơn giá, giá sản phẩm, chất lượng dịch vụ công ích đường sắt.
4. Quản lý việc lập, thẩm định, phê duyệt, giao kế hoạch, quyết định phương thức thực hiện, tổ chức thực hiện quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt và bảo trì công trình đường sắt.
5. Quản lý việc lập, thẩm định, phê duyệt phương án, kinh phí và tổ chức thực hiện công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả lụt bão, thiên tai, tai nạn giao thông đường sắt.
6. Quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường sắt.
7. Lập hồ sơ theo dõi các vị trí hay xảy ra tai nạn giao thông đường sắt, các vị trí làm giảm khả năng thông qua đoàn tàu; hồ sơ theo dõi số vụ tai nạn đường sắt, xác định nguyên nhân ban đầu từng vụ tai nạn.
8. Cập nhật hồ sơ quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt vào hệ thống cơ sở dữ liệu để theo dõi, quản lý; thành phần và nội dung hồ sơ theo quy định tại Điều 6 của Thông tư này.
9. Cập nhật dữ liệu kết cấu hạ tầng đường sắt vào hệ thống quản lý, theo dõi và giám sát công tác bảo trì công trình đường sắt quốc gia theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.
10. Kiểm tra, thanh tra, giám sát; giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt và bảo trì công trình đường sắt theo quy định.
11. Báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định.

Điều 6. Hồ sơ quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt

1. Mỗi công trình đường sắt đều phải lập hồ sơ quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt, bao gồm: hồ sơ quản lý kỹ thuật công trình và hồ sơ quản lý hành lang an toàn giao thông đường sắt để phục vụ quản lý, vận hành và bảo trì công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng.
2. Hồ sơ quản lý kỹ thuật công trình được lập cho từng công trình, hạng mục công trình theo từng tuyến đường sắt và theo từng phạm vi quản lý (khu gian, khu đoạn). Hồ sơ quản lý kỹ thuật công trình đường sắt bao gồm: hồ sơ phục vụ quản lý, vận

hành, bảo trì công trình theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 12 của Thông tư 26/2016/TT-BXD ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Xây dựng; hồ sơ hoàn thành bảo trì công trình và các tài liệu khác theo quy định của quy trình bảo trì công trình đường sắt và tại phụ lục này. Thành phần hồ sơ chủ yếu cụ thể như sau:

a) Hồ sơ quản lý, vận hành, bảo trì công trình đường sắt:

Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình và báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng;

Nhiệm vụ khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát xây dựng công trình;

Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được chủ đầu tư xác nhận (có danh mục bản vẽ kèm theo) và các thay đổi thiết kế trong quá trình thi công;

Bản vẽ hoàn công (có danh mục bản vẽ kèm theo);

Các kết quả quan trắc, đo đạc, kiểm định chất lượng công trình, thí nghiệm khả năng chịu lực kết cấu công trình (nếu có) trong quá trình thi công, danh mục các thiết bị, phụ tùng, vật tư dự trữ thay thế và các tài liệu khác có liên quan;

Lý lịch thiết bị lắp đặt trong công trình;

Quy trình vận hành, khai thác công trình; quy trình bảo trì công trình;

Hồ sơ giải quyết sự cố công trình (nếu có);

Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng của chủ đầu tư;

Thông báo chấp thuận kết quả nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng.

b) Hồ sơ hoàn thành bảo trì công trình đường sắt bao gồm:

Hồ sơ hoàn thành bảo dưỡng công trình: nội dung, thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 53 của Quy trình bảo trì công trình đường sắt đã được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt tại quyết định 2320/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2015;

Hồ sơ hoàn thành sửa chữa định kỳ công trình: nội dung, thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 54 của Quy trình bảo trì công trình đường sắt đã được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt tại quyết định 2320/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2015;